TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HS-ST
Ngày 26/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Oanh và ông Lương Văn Cang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Thuỳ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lương Tấn Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lái xe Taxi; Trình độ học vấn: 09/12. Cha: Lương Tấn Q, sinh năm 1972; mẹ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1969; Vợ: Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1995; Có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên toà.*

2. Phạm Ngọc S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1997; Nơi cư trú: Khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lái xe Taxi; Trình độ học vấn: 09/12. Cha: Phạm T, sinh năm 1975; Mẹ: Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1975.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ. *Có mặt tại phiên toà.*

3. Lê Duy H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1986; Nơi cư trú: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lái xe taxi; Trình độ học vấn: 10/12. Cha:

Lê Ngọc C, sinh năm 1967; Mẹ: Võ Thị Mai L, sinh năm 1968; Vợ: Lê Thị Tuyết D, sinh năm 1990 (đã ly hôn). Có 01 con, sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên toà*

4. Vương Vĩnh C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1984; Nơi cư trú: Khu phố U, phường H, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe taxi; Trình độ học vấn: 11/12. Cha: Vương Minh K (chết). Mẹ: Võ Thị Kim C, sinh năm 1941; Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên toà*.

5. Lương Công N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1980; Nơi cư trú: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lái xe taxi; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Lương Công T, sinh năm 1957; Mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1958. Vợ: Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1981. Có 01 con, sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên toà*.

6. Đinh Văn H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1977; Nơi cư trú: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12. Cha: Đinh Văn P (chết); Mẹ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1950. Vợ: Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm 1979. Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên toà*.

7. Lê Xuân T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1984, Nơi cư trú: Khu phố L, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lái xe taxi; Trình độ học vấn: 12/12. Cha: Lê Văn T, sinh năm 1962. Mẹ: Nguyễn Thị K, sinh năm 1962. Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1984. Có 02 con, sinh năm 2012 và 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên toà*.

8. Lê Văn S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Khu phố X, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Đầu bếp; Trình độ học vấn: 09/12; Cha: Lê G, sinh năm 1960; Mẹ: Trần Thị N, sinh năm 1965. Vợ: Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1994. Có 02 con, sinh năm 2020 và sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên toà*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm 1979; Trú tại: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk. *Có mặt tại phiên toà*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 07/6/2025, Lương Tấn Q, Phạm Ngọc S, Lê Duy H, Vương Vĩnh C, Lương Công N, Đinh Văn H, Lê Xuân T, và Lê Văn S đang cùng chờ đón khách trong Sân bay Tuy Hòa thuộc khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk. Lúc này, Q thấy một bộ bầu cua gồm chén, đĩa và 03 hột xốp hình lập phương có in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai để sẵn tại con lươn thứ hai trong bãi đậu xe sân bay (không có tờ giấy in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai) nên lấy bộ bầu cua này và một tấm nhựa lót sàn xe ô tô màu đen lót làm chiếu đánh bạc thắng thua bằng tiền tại khu vực bãi xe chờ đón khách của sân bay Tuy Hòa, hình thức xốc bầu cua "Rừng - Biển". Q với Phạm Ngọc S thống nhất hùn vốn làm cái và ăn chia theo tỷ lệ 50/50, Q là người trực tiếp xốc cái, Ngọc S là người giữ tiền và thu chi tiền thắng thua, những người còn lại gồm Lê Duy H, Vương Vĩnh C, Lương Công N, Đinh Văn H, Lê Xuân T, và Lê Văn S tham gia đặt tiền. Hình thức đánh bầu cua "Rừng - Biển" như sau: Chủ cái dùng 01 cái chén và 01 cái đĩa bằng kim loại úp lại, bên trong có để 03 viên xốp hình lập phương in 06 mặt hình gồm bầu, cua, tôm, cá, gà, nai. Tất cả thống nhất quy ước "Rừng" gồm mặt hình bầu, gà, nai; "Biển" gồm mặt hình tôm, cua, cá. Sau khi chủ cái xốc xong thì những người tham gia đánh bạc sẽ chọn "Rừng" hoặc "Biển" để đặt tiền và trả (tả) qua lại với nhau. Dưới chiếu bạc có đặt 01 tấm nhựa màu đen được quy ước phía Đông tấm nhựa là "Biển", còn phía Tây tấm nhựa là "Rừng" để người chơi đặt cược vào cửa nào thì đặt tiền vào phía tương ứng của tấm nhựa. Nếu 03 viên xốp hiện mặt nào nhiều hơn thì người đặt cược bên cửa tương ứng đó sẽ thắng. Số tiền thắng sẽ tương ứng với số tiền tham gia đánh bạc theo tỉ lệ 1:1. Trong một ván mỗi người chơi đặt tiền cược từ khoảng 20.000 đồng đến 100.000 đồng. Đến 15 giờ cùng ngày, khi các con bạc đang đánh bạc thì bị Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 1.635.000 đồng và các vật dụng phục vụ cho việc đánh bạc. Thu giữ số tiền trên người của Q, Phạm Ngọc S, C, T, H, H, N dùng để đánh bạc là 11.920.000 đồng, trong đó H 3.800.000 đồng, C 3.350.000 đồng, N 1.450.000 đồng, H 1.000.000 đồng, Phạm Ngọc S 900.000 đồng, T 850.000 đồng, Q 570.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 13.555.000 đồng

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSKV11 ngày 30/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Lương Tấn Q, Phạm Ngọc S, Lê Duy H, Vương Vĩnh C, Lương Công N, Đinh Văn H, Lê Xuân T, và Lê Văn S về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng đã truy tố, xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đã giữ nguyên

quyết định truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lương Tấn Q, Phạm Ngọc S, Lê Duy H, Vương Vĩnh C, Lương Công N, Đinh Văn H, Lê Xuân T, và Lê Văn S phạm tội "Đánh bạc".

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lương Tấn Q, Phạm Ngọc S, Lê Duy H, Vương Vĩnh C, Lương Công N, Đinh Văn H, Lê Xuân T và Lê Văn S phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, bị cáo H áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt:

- Bị cáo Lương Tấn Q, Phạm Ngọc S từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ;

- Bị cáo Lê Duy H, Lương Vĩnh C từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ;

- Bị cáo Lương Công N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ;

- Bị cáo Đinh Văn H, Lê Xuân T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ;

- Bị cáo Lê Văn S từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi các bị cáo đang cư trú trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Các bị cáo làm công thu nhập thấp, theo doanh số, không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án.

*** Hình phạt bổ sung**: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Lương Tấn Q, Phạm Ngọc S từ 15 triệu đến 25 triệu đồng;

- Bị cáo Lê Duy H, Lương Vĩnh C, Lương Công N, Đinh Văn H, Lê Xuân T, Lê Văn S từ 10 đến 20 triệu đồng.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 Chén kim loại kích thước (0,15 x 0,05) m; 01 Đĩa kim loại đường kính 0,17 m; 03 hộp xốp in hình bầu cua tôm cá gà nai; 01 Ghế xếp có khung bằng kim loại, bọc lưới nhựa màu đen; 07 Viên đá, viên lớn nhất kích thước (0,039 x 0,046 x 0,014) m, viên nhỏ nhất kích thước (0,033 x 0,019 x 0,025) m; 01 Tấm nhựa kích thước (0,64 x 0,50) m.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 13.555.000 đồng.

+ Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi 13, màu nâu, có gắn 02 thẻ sim số 0968686572 và 1966778350 (của Lương Tấn Q); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu trắng, bị nứt vỡ màn hình và nứt mặt lưng phía sau (của Phạm Ngọc S); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, có gắn thẻ sim số 0349353178 (của Vương Vĩnh C); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 10, màu xám (thu của Lê Xuân T); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, màn hình cảm ứng số sê ri R5CX42GBFHA (của Lê Duy H); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A32, màu đen và 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 6, màu đen (của Đinh Văn H); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18 màu đen, kiểu máy CPH2591, số sê ri X4F6NBRW6EMRKVS có gắn thẻ sim 0905127791 và 01 thẻ sim dùng để phát wifi (không kiểm tra được thẻ sim) (của Lương Công N); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen (của Lê Văn S); số tiền 2.000.000 đồng của Đinh Văn H.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 16/9/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Đắk Lắk).

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 07/6/2025, tại khu vực bãi đậu xe trong sân bay Tuy Hòa thuộc khu phố Phú Thạnh 5, phường P, tỉnh Đắk Lắk, Lương Tấn Q, Phạm Ngọc S, Lê Duy H,Vương Vĩnh C, Lương Công N, Đinh Văn H, Lê Xuân T và Lê Văn S đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức xốc bầu cua thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền dùng để đánh bạc là 13.555.000 đồng *(Mười ba triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn)* đồng.

Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 21/CT-VKSKV11 ngày 30/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk truy tố và luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo:

[3.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc nhằm tạo ra thu nhập bất chính bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo cố ý thực hiện. Hành vi trái pháp luật của các bị cáo làm gia tăng các tệ nạn và gây bao hệ luỵ xã hội nên cần phải xử lý nghiêm.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc từ trước. Trong đó, bị cáo Lương Tấn Q và bị cáo Phạm Ngọc S là người khởi xướng. Q là người trực tiếp xốc cái, Ngọc S là người giữ tiền và thu chi tiền thắng thua để những bị cáo còn lại tham gia đặt tiền. Bị cáo H, C sử dụng số tiền lớn hơn các bị cáo khác để đánh bạc, cụ thể: bị cáo H sử dụng 3.800.000 đồng; bị cáo C sử dụng 3.350.000 đồng để đánh bạc nên tính chất tham gia và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo Q, Ngọc S, H, C là cao hơn các bị cáo khác nên mức hình phạt của các bị cáo Q, Ngọc S, H, C phải cao hơn các bị cáo khác.

[3.2] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; đều là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Riêng bị cáo Lê Duy H nộp giấy xác nhận gia đình bị cáo có bà ngoại thứ là bà Trần Thị Liên là người có công với cách mạng, tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Xét các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo H có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; lần đầu phạm tội, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, quản lý của chính quyền địa phương nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm như đề nghị của Kiểm sát viên.

Các bị cáo làm công thu nhập thấp, theo doanh số, không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính, vì vậy cần phạt bổ sung hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vật chứng của vụ án: Hội đồng xét xử thống nhất xử lý như đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lương Tấn Q, Phạm Ngọc S, Lê Duy H, Vương Vĩnh C, Lương Công N, Đinh Văn H, Lê Xuân T, và Lê Văn S phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; bị cáo Lê Duy H được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

- Bị cáo Lương Tấn Q, bị cáo Phạm Ngọc S, bị cáo Lê Duy H và bị cáo Vương Vĩnh C, mỗi bị cáo **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

- Bị cáo Lương Công N, bị cáo Đinh Văn H, bị cáo Lê Xuân T và bị cáo Lê Văn S, mỗi bị cáo **01 (Một) năm** cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Lương Tấn Q, bị cáo Lê Duy H, bị cáo Lương Công N và bị cáo Đinh Văn H cho Ủy ban nhân dân Phường P, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường P, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 68; Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Phạm Ngọc S, bị cáo Lê Xuân T và bị cáo Lê Văn S cho Ủy ban nhân dân Phường Bình Kiến, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường Bình Kiến, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Vương Vĩnh C cho Ủy ban nhân dân Phường Hoà Hiệp, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban

nhân dân Phường Hoà Hiệp, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối các bị cáo Lương Tấn Q, Phạm Ngọc S, Lê Duy H, Vương Vĩnh C, Lương Công N, Đinh Văn H, Lê Xuân T, và Lê Văn S, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) chén kim loại kích thước (0,15x0,05)m; 01 (Một) đĩa kim loại đường kính 0,17m; 03 (Ba) hộp xốp in hình bầu cua tôm cá gà nai; 01 (Một) ghế xếp có khung bằng kim loại, bọc lưới nhựa màu đen; 07 (Bảy) viên đá, viên lớn nhất kích thước (0,039x0,046x0,014), viên nhỏ nhất kích thước (0,033x0,019x0,025)m; 01 (Một) tấm nhựa kích thước (0,64x0,50)

- Tiếp tục tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi 13, màu nâu, có gắn 2 thẻ sim số 0968686572 và 1966778350 của Lương Tấn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu trắng của Phạm Ngọc S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, có gắn thẻ sim số 0349353178 của Vương Vĩnh C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 10, màu xám của Lê Xuân T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh nhạt của Lê Duy H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, màu đen của Đinh Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 6, màu đen của Đinh Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A18, màu đen, có gắn thẻ sim 0905127791 và 01 thẻ sim dùng để phát wifi của Lương Công N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen của Lê Văn S để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: Số tiền 13.555.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng*), trong đó có 1.635.000 đồng *(Một triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng)* thu giữ tại chiếu bạc và 11.920.000 đồng *(Mười một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)* thu giữ trên người của các bị cáo. Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng*) của bị cáo Đinh Văn H để đảm bảo thi hành án, theo giấy uỷ nhiệm chi chuyển khoản số 46 ngày 05/9/2025 vào tài khoản tạm giữ Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 16/9/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Đắk Lắk.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Các bị cáo Lương Tấn Q, Phạm Ngọc S, Lê Duy H, Vương Vĩnh C, Lương Công N, Đinh Văn H, Lê Xuân T, và Lê Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Nhật